

Số: 159 /QĐ-UBND

Nam Sách, ngày 23 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: **Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách) – Đợt 1**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM SÁCH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án, công trình năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 25 tháng 2 năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương cũ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nam Sách cũ;

Căn cứ Nghị Quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2026 của Hội Đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Ban hành bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai số



31/2024/QH15, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3859/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Báo cáo số 05/BC-STC ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng tình hình giá cả thị trường tháng 12 năm 2025 và công tác quản lý nhà nước về giá năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách và phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện dự án;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng);

Căn cứ Quyết định số 4402/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nam Sách về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng), tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Nam Sách về việc phê duyệt giá đất nông nghiệp cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng);

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Phòng Kinh tế về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 18/TTr-KT ngày 22 tháng 01 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) đợt 1, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) – Đợt 1 tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, cụ thể như sau:

a) Tổng diện tích thu hồi: 30.588,0m<sup>2</sup>, trong đó: Đất chuyên trồng lúa (LUC): 30.588,0m<sup>2</sup>.

b) Tổng số hộ có đất thu hồi: 35 hộ.

c) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 20.342.160.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn), bao gồm:

- Bồi thường đất chuyên trồng lúa (LUC) vị trí trong đề cho hộ gia đình, cá nhân (30.588,0m<sup>2</sup>): 3.058.800.000 đồng;

- Bồi thường thiệt hại cây cối, hoa màu trên đất: 0 đồng;

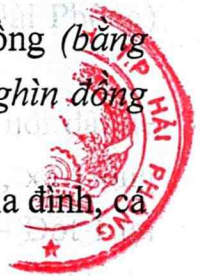
- Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: 0 đồng;

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất : 15.294.000.000 đồng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất: 1.071.720.000 đồng;

- Hỗ trợ ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất: 917.640.000 đồng.

- Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: Thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



d) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. (kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Nam Sách có trách nhiệm:

- Tổ chức phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nam Sách và Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết, Nhà văn hóa thôn Vạn Tải Tây, Nhà văn hóa thôn Vạn Tải Đông;

- Phối hợp với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được UBND xã phê duyệt đến từng hộ có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

2. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Nam Sách phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nam Sách và Nhà văn hóa thôn Nhân Lễ;

3. Hộ có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực V, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT. //



**CHỦ TỊCH**

**Phùng Văn Diện**



**PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông: Nguyễn Hữu Bình - bà Nguyễn Thị Chiêm
- Số điện thoại: 0984063223
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030069008356
- Địa chỉ: thôn Vạn Tải Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐĐC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	1636	LUC	8	1.079,0	1079,0	1070,0	9,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.079,0</b>	<b>1079,0</b>	<b>1070,0</b>	<b>9,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.070,0	100.000	1	107.000.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.070,0	100.000	5	535.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	12	12	13.000	30	56.160.000	99,17%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.070,0	100.000	30%	32.100.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>730.260.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện gia đình cho ông Nguyễn Như Tuấn thuê trồng trọt						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>730.260.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>730.260.000</b>	

Bằng chữ:

Bảy trăm ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Văn Khuyển
- Số điện thoại: 0373858119
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030074003884
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BDDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	53	LUC	85	1.303,0	384,0	384,0	0,0	0,0
TỔNG CỘNG				1.303,0	384,0	384,0	0,0	0,0

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	384,0	100.000	1	38.400.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	384,0	100.000	5	192.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	6	3	13.000	30	7.020.000	29,47%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	384,0	100.000	30%	11.520.000	
Tổng (A)						248.940.000	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga thuê trồng cây						
Tổng (B)						0	
Tổng cộng (A+B)						248.940.000	
Làm tròn						248.940.000	

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách**  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông: Trần Phúc Minh
- Số điện thoại: 0974400118
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030056002120
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	55	LUC	85	3.177,0	1156,0	1156,0	0,0	0,0
2	102	LUC	85		873,0	873,0	0,0	0,0
3	1257	LUC	86		231,0	231,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>3.177,0</b>	<b>2260,0</b>	<b>2260,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	2.260,0	100.000	1	226.000.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	2.260,0	100.000	5	1.130.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	13	12	13.000	30	60.840.000	71,14%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	2.260,0	100.000	30%	67.800.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>1.484.640.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Ông Minh cho bà Đình Thị Nga và ông Nguyễn Hữu Tuấn trồng						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>1.484.640.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>1.484.640.000</b>	

Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Vân
- Số điện thoại: 0382310877
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030144000708
- Địa chỉ: Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	97	LUC	85	2.586,0	565,0	559,0	6,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.586,0</b>	<b>565,0</b>	<b>559,0</b>	<b>6,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	559,0	100.000	1	55.900.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	559,0	100.000	5	279.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	6	3	13.000	30	7.020.000	21,62%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	559,0	100.000	30%	16.770.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>359.190.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga canh tác						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>359.190.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>359.190.000</b>	

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi chín triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng chẵn



ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM SÁCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PA số 05

## PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Văn Tuyền
- Số điện thoại: 0984093339
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

### A. Về đất đai

#### I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	99	LUC	85	2.101,0	645,0	645,0		0,0
TỔNG CỘNG				2.101,0	645,0	645,0	0,0	0,0

#### II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	645,0	100.000	1	64.500.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	645,0	100.000	5	322.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	10	6	13.000	30	23.400.000	30,70%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	645,0	100.000	30%	19.350.000	
Tổng (A)						429.750.000	

#### B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đinh Thị Nga canh tác						
Tổng (B)						0	
Tổng cộng (A+B)						429.750.000	
Làm tròn						429.750.000	

Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Ngô Văn Quân
- Số điện thoại: 0979212985
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐĐC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	101	LUC	85	2.664,0	409,0	409,0		0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.664,0</b>	<b>409,0</b>	<b>409,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	409,0	100.000	1	40.900.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	409,0	100.000	5	204.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	12	3	13.000	30	14.040.000	15,35%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	409,0	100.000	30%	12.270.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>271.710.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>271.710.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>271.710.000</b>	

Bảng chữ:

Hai trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm mười ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Văn Quảng
- Số điện thoại: 0969064598
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐĐC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	108	LUC	85	2.562,0	774,0	774,0		0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.562,0</b>	<b>774,0</b>	<b>774,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	774,0	100.000	1	77.400.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	774,0	100.000	5	387.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	11	6	13.000	30	25.740.000	30,21%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	774,0	100.000	30%	23.220.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>513.360.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>513.360.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>513.360.000</b>	

Bảng chữ:

Năm trăm mười ba triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Đinh Văn Thư - bà Đinh Thị Hà
- Số điện thoại: 0983994909
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030086007862
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	110	LUC	85	2068,0	550,0	550,0	0,0	0,0
2	275	LUC	85		259,0	259,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.068,0</b>	<b>809,0</b>	<b>809,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	809,0	100.000	1	80.900.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	809,0	100.000	5	404.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	8	6	13.000	30	18.720.000	39,12%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	809,0	100.000	30%	24.270.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>528.390.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đinh Thị Nga thuê trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>528.390.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>528.390.000</b>	

Bằng chữ: Năm trăm hai mươi tám triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Vũ Tuấn Kiên
- Số điện thoại: 0972943709
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	162	LUC	85	1.914,0	368,0	368,0		0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.914,0</b>	<b>368,0</b>	<b>368,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	368,0	100.000	1	36.800.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	368,0	100.000	5	184.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	7	3	13.000	30	8.190.000	19,23%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	368,0	100.000	30%	11.040.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>240.030.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga thuê trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>240.030.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>240.030.000</b>	

Bằng chữ:

Hai trăm bốn mươi triệu, ba mươi ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Chính
- Số điện thoại: 0353521504
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	52	LUC	85	4.079,0	950,0	950,0		0,0
	164	LUC	85		324,0	324,0		
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>4.079,0</b>	<b>1274,0</b>	<b>1274,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.274,0	100.000	1	127.400.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.274,0	100.000	5	637.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	15	6	13.000	30	35.100.000	31,23%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.274,0	100.000	30%	38.220.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>837.720.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga thuê trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>837.720.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>837.720.000</b>	

Bằng chữ: Tám trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Văn Quân
- Số điện thoại: 0353521504
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh do vẽ lại BĐĐC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	165	LUC	85	2.937,0	694,0	694,0		0,0
2	167	LUC	85		582,0	582,0		
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.937,0</b>	<b>1276,0</b>	<b>1276,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.276,0	100.000	1	127.600.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.276,0	100.000	5	638.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	13	6	13.000	30	30.420.000	43,45%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.276,0	100.000	30%	38.280.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>834.300.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đinh Thị Nga thuê trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>834.300.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>834.300.000</b>	

Bằng chữ:

Tám trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Bích Thảo
- Số điện thoại: 0365786066
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BDDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	171	LUC	85	2.948,0	1408,0	1408,0		0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.948,0</b>	<b>1408,0</b>	<b>1408,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.408,0	100.000	1	140.800.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.408,0	100.000	5	704.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	9	6	13.000	30	21.060.000	47,76%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.408,0	100.000	30%	42.240.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>908.100.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga canh tác						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>908.100.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>908.100.000</b>	

Bảng chữ:

Chín trăm lẻ tám triệu, một trăm ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Trung Huyền - Mai Thị Bông (con)
- Số điện thoại: 0338294927
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐĐC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	179	LUC	85	2.633,0	463,0	463,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.633,0</b>	<b>463,0</b>	<b>463,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	463,0	100.000	1	46.300.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	463,0	100.000	5	231.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	13	3	13.000	30	15.210.000	17,58%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	463,0	100.000	30%	13.890.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>306.900.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga thuê trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>306.900.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>306.900.000</b>	

Bằng chữ:

Ba trăm lẻ sáu triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG AN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Phượng - Nguyễn Trung Tuy
- Số điện thoại: 0384917369
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030070000775
- Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	169	LUC	85	3.558,0	428,0	428,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>3.558,0</b>	<b>428,0</b>	<b>428,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	428,0	100.000	1	42.800.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	428,0	100.000	5	214.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	5	3	13.000	30	5.850.000	12,03%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	428,0	100.000	30%	12.840.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>275.490.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đinh Thị Nga và ông Nguyễn Như Tuấn trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>275.490.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>275.490.000</b>	

Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Phượng
- Số điện thoại: 0384917369
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030156008739
- Địa chỉ: Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	271	LUC	85	487,0	487,0	487,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>487,0</b>	<b>487,0</b>	<b>487,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	487,0	100.000	1	48.700.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	487,0	100.000	5	243.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	5	12	13.000	30	23.400.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	487,0	100.000	30%	14.610.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>330.210.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Đình Thị Nga và ông Nguyễn Như Tuấn trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>330.210.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>330.210.000</b>	

Bằng chữ:

Ba trăm ba mươi triệu, hai trăm mười ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Trần Đình Thuý
- Số điện thoại: 0972091978
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030050001525
- Địa chỉ: Đoàn Kết, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	273	LUC	85	3.154,0	1657,0	1657,0	0,0	0,0
2	276	LUC	85		537,0	537,0		
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>3.154,0</b>	<b>2194,0</b>	<b>2194,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	2.194,0	100.000	1	219.400.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	2.194,0	100.000	5	1.097.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	11	6	13.000	30	25.740.000	69,56%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	2.194,0	100.000	30%	65.820.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>1.407.960.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện gia đình cho bà Đình Thị Nga thuê trồng cây						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>1.407.960.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>1.407.960.000</b>	

Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nhữ Thị Thi - Nguyễn Đức Tuấn (con trai)
- Số điện thoại: 0964836447
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐĐC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	361	LUC	85	2.008,0	640,0	640,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.008,0</b>	<b>640,0</b>	<b>640,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	640,0	100.000	1	64.000.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	640,0	100.000	5	320.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	8	6	13.000	30	18.720.000	31,87%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	640,0	100.000	30%	19.200.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>421.920.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Cho bà Đình Thị Nga thuê trồng cây trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>421.920.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>421.920.000</b>	

Bằng chữ:

Bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Hoàng Kimm Linh - Đặng Thị Nhung
- Số điện thoại: 0343766727
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030061005614
- Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	363	LUC	85	2.589,0	761,0	761,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.589,0</b>	<b>761,0</b>	<b>761,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	761,0	100.000	1	76.100.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	761,0	100.000	5	380.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	11	3	13.000	30	12.870.000	29,39%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	761,0	100.000	30%	22.830.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>492.300.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Cho bà Đinh Thị Nga trồng cây trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>492.300.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>492.300.000</b>	

Bằng chữ:

Bốn trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Văn Đoàn
- Số điện thoại: 0363202844
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030062009128
- Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	365	LUC	85	3.076,0	1511,0	1511,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>3.076,0</b>	<b>1511,0</b>	<b>1511,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.511,0	100.000	1	151.100.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.511,0	100.000	5	755.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	6	6	13.000	30	14.040.000	49,12%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.511,0	100.000	30%	45.330.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>965.970.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Cho bà Đình Thị Nga trồng cây trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>965.970.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>965.970.000</b>	

Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Đinh Thị Mạnh
- Số điện thoại: 0974706385
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	795	LUC	85	278,0	278,0	278,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>278,0</b>	<b>278,0</b>	<b>278,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	278,0	100.000	1	27.800.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	278,0	100.000	5	139.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	7	12	13.000	30	32.760.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	278,0	100.000	30%	8.340.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>207.900.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Cho bà Đinh Thị Nga trồng cây trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>207.900.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>207.900.000</b>	

Bằng chữ:

Hai trăm lẻ bảy triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG AN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(trước là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Trinh  
- Số điện thoại: 0383380119  
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030156006294  
- Địa chỉ: Thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	10	LUC	86	697,0	697,0	697,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				697,0	697,0	697,0	0,0	0,0

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	697,0	100.000	1	69.700.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	697,0	100.000	5	348.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	15	12	13.000	30	70.200.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	697,0	100.000	30%	20.910.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>509.310.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>509.310.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>509.310.000</b>	

Bằng chữ:

Năm trăm lẻ chín triệu, ba trăm mười ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách**  
(trước là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Kim Bình
- Số điện thoại: 0357890562
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Vạn Tải Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐĐC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	88	LUC	86	1.436,0	748,0	0,0	0,0	
2	1576	LUC	8		431,0	429,0	2,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.436,0</b>	<b>1179,0</b>	<b>1177,0</b>	<b>2,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.177,0	100.000	1	117.700.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.177,0	100.000	5	588.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	17	12	13.000	30	79.560.000	81,96%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.177,0	100.000	30%	35.310.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>821.070.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho ông Nguyễn Như Tuấn trồng hoa ly trên thửa đất số 88; Ông Hiền trồng cây đào trên thửa đất 1576						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>821.070.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>821.070.000</b>	

Bằng chữ:

Tám trăm hai mươi một triệu, bảy mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Hoàng Đức Long
- Số điện thoại: 0348523084
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Nam Khê, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	97	LUC	86	1.507,0	452,0	452,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.507,0</b>	<b>452,0</b>	<b>452,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	452,0	100.000	1	45.200.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	452,0	100.000	5	226.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	4	3	13.000	30	4.680.000	29,99%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	452,0	100.000	30%	13.560.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>289.440.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Hiện tại cho bà Ngô Thị Mai canh tác						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>289.440.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>289.440.000</b>	

Bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách**  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Kim Lương
- Số điện thoại: 0387656557
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	108	LUC	86	1.281,0	1288,0	1281,0	7,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.281,0</b>	<b>1288,0</b>	<b>1281,0</b>	<b>7,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.281,0	100.000	1	128.100.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.281,0	100.000	5	640.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	11	12	13.000	30	51.480.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.281,0	100.000	30%	38.430.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>858.510.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>858.510.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>858.510.000</b>	

Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tám triệu, năm trăm mười ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Quốc Ninh - Phạm Thị Nhàn
- Số điện thoại: 0344291335
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	150	LUC	86	782,0	782,0	782,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>782,0</b>	<b>782,0</b>	<b>782,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	782,0	100.000	1	78.200.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	782,0	100.000	5	391.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	11	12	13.000	30	51.480.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	782,0	100.000	30%	23.460.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>544.140.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>544.140.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>544.140.000</b>	

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn

## PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Thị Liễu
- Số điện thoại: 0346196786
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Vạn Tải Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

## A. Về đất đai

## I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	153	LUC	86	1.277,0	1277,0	1277,0	0,0	0,0
TỔNG CỘNG				1.277,0	1277,0	1277,0	0,0	0,0

## II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.277,0	100.000	1	127.700.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.277,0	100.000	5	638.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	4	12	13.000	30	18.720.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.277,0	100.000	30%	38.310.000	
Tổng (A)						823.230.000	

## B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
Tổng (B)							
Tổng cộng (A+B)						823.230.000	
Làm tròn						823.230.000	

Bằng chữ: Tám trăm hai mươi ba triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Quý Mậu
- Số điện thoại: 0362468240
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BDDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	182	LUC	86	1.279,0	1279,0	1279,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.279,0</b>	<b>1279,0</b>	<b>1279,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.279,0	100.000	1	127.900.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.279,0	100.000	5	639.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	4	12	13.000	30	18.720.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.279,0	100.000	30%	38.370.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>824.490.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>						<b>0</b>	
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>824.490.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>824.490.000</b>	

Bằng chữ: Tám trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng chẵn

## PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Hữu Tân - Nguyễn Thị Tiu
- Số điện thoại: 0363130908
- CCCD/Số định danh cá nhân: 0301580158086
- Địa chỉ: thôn Vạn Tải Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

## A. Về đất đai

## I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	205	LUC	86	1.146,0	506,0	506,0	0,0	0,0
TỔNG CỘNG				1.146,0	506,0	506,0	0,0	0,0

## II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	506,0	100.000	1	50.600.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	506,0	100.000	5	253.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	11	6	13.000	30	25.740.000	44,15%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	506,0	100.000	30%	15.180.000	
Tổng (A)						344.520.000	

## B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
Tổng (B)							
Tổng cộng (A+B)						344.520.000	
Làm tròn						344.520.000	

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách**  
(Quy là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Dao
- Số điện thoại: 03336449271
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030160015899
- Địa chỉ: thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BDDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	269	LUC	86	357,0	357,0	357,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>357,0</b>	<b>357,0</b>	<b>357,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	357,0	100.000	1	35.700.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	357,0	100.000	5	178.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	6	12	13.000	30	28.080.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	357,0	100.000	30%	10.710.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>252.990.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>							
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>252.990.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>252.990.000</b>	

Bảng chữ: Hai trăm năm mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng chẵn

**PHƯƠNG AN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Dặng - Nguyễn Thị Thuý con gái
- Số điện thoại: 0349398298
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030171001849
- Địa chỉ: thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	270	LUC	86	1.576,0	588,0	588,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.576,0</b>	<b>588,0</b>	<b>588,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	588,0	100.000	1	58.800.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	588,0	100.000	5	294.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	6	6	13.000	30	14.040.000	37,31%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	588,0	100.000	30%	17.640.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>384.480.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>							
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>384.480.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>384.480.000</b>	

Bảng chữ: Ba trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông: Nguyễn Văn Bộ - bà Nguyễn Thị Thu
- Số điện thoại: 0335547097
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	1266	LUC	86	357,0	357,0	357,0	73,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>357,0</b>	<b>357,0</b>	<b>357,0</b>	<b>73,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	357,0	100.000	1	35.700.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	357,0	100.000	5	178.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	18	12	13.000	30	84.240.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	357,0	100.000	30%	10.710.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>309.150.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>							
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>309.150.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>309.150.000</b>	

Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Hữu Mạnh - Nguyễn Thị Trường
- Số điện thoại: 0373318008
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Vạn Tải Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	104	LUC	86	672,0	672,0	672,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>672,0</b>	<b>672,0</b>	<b>672,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	672,0	100.000	1	67.200.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	672,0	100.000	5	336.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	8	12	13.000	30	37.440.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	672,0	100.000	30%	20.160.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>460.800.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
-	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>							
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>460.800.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>460.800.000</b>	

Bằng chữ:

Bốn trăm sáu mươi triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Hữu Đạo - Nguyễn Thị Thắm
- Số điện thoại: 0914933679
- CCCD/Số định danh cá nhân:
- Địa chỉ: Thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BDDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	181	LUC	86	947,0	376,0	376,0	0,0	0,0
2	1258	LUC	86		571,0	571,0	0,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>947,0</b>	<b>947,0</b>	<b>947,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	947,0	100.000	1	94.700.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	947,0	100.000	5	473.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	9	12	13.000	30	42.120.000	100,00%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	947,0	100.000	30%	28.410.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>638.730.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
-	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>							
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>638.730.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>638.730.000</b>	

**Bảng chữ: Sáu trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng chẵn**

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Thị Dặng - Nguyễn Thị Thuý con gái
- Số điện thoại: 0349398298
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030171001849
- Địa chỉ: thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đơ vẽ lại BDDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Tổng DT đất thu hồi (m2)	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m2)	Đất công điền UB (m2)	Đất phụ cận (m2)
1	270	LUC	86	1.576,0	588,0	588,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.576,0</b>	<b>588,0</b>	<b>588,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	588,0	100.000	1	58.800.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	588,0	100.000	5	294.000.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	6	6	13.000	30	14.040.000	37,31%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m2 thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	588,0	100.000	30%	17.640.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>384.480.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>							
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>384.480.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>384.480.000</b>	

Bằng chữ: Ba trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng chẵn



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1**

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

- Hộ gia đình Ông (bà): Nguyễn Đức Văn
- Số điện thoại: 0393605199
- CCCD/Số định danh cá nhân: 030057003058
- Địa chỉ: thôn Vạn Tài Tây, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng

**A. Về đất đai**

**I Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Số thửa	Loại đất	Mảnh đo vẽ lại BĐDC số	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc đất		
						Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	Đất công điền UB (m <sup>2</sup> )	Đất phụ cận (m <sup>2</sup> )
1	271	LUC	86	2.031,0	1095,0	1095,0	0,0	0,0
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.031,0</b>	<b>1095,0</b>	<b>1095,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>

**II Các khoản bồi thường, hỗ trợ:**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bồi thường đất nông nghiệp						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.095,0	100.000	1	109.500.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.095,0	100.000	5	547.500.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng; - Trường hợp đất giao khoán hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng.	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
	Hỗ trợ ổn định đời sống	12	6	13.000	30	28.080.000	53,91%
4	Hỗ trợ ổn định sản xuất (kể cả đất giao khoán): Hỗ trợ một lần bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí/m <sup>2</sup> thu hồi.						
	LUC	m <sup>2</sup>	1.095,0	100.000	30%	32.850.000	
<b>Tổng (A)</b>						<b>717.930.000</b>	

**B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Không có tài sản, cây cối hoa màu trên đất						
<b>Tổng (B)</b>							
<b>Tổng cộng (A+B)</b>						<b>717.930.000</b>	
<b>Làm tròn</b>						<b>717.930.000</b>	

Bảng chữ:

Bảy trăm mười bảy triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng chẵn

**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT**

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, huyện Nam Sách  
(nay là xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng) - Đợt 1

(Kèm theo Quyết định số 159/TT-KT ngày 23 tháng 01 của Chủ tịch UBND xã Nam Sách)

TT	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT	Số thửa	Mảnh đo vẽ BĐĐC số	LOẠI ĐẤT (Vị trí trong đê)	BỒI THƯỜNG ĐẤT			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (5 lần đơn giá bồi thường đất)	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ ổn định sản xuất	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu	Chi phí san lấp, cải tạo	TỔNG CỘNG	LÀM TRÒN	Khẩu
					Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)								
1	Nguyễn Hữu Bình Nguyễn Thị Chiêm	1636	8	LUC	1070,0	100.000	107.000.000	535.000.000	56.160.000	32.100.000			730.260.000	730.260.000	12
2	Phạm Văn Khuyến	53	85	LUC	384,0	100.000	38.400.000	192.000.000	7.020.000	11.520.000			248.940.000	248.940.000	6
3	Trần Phúc Minh	55	85	LUC	1156,0										13
		102	85	LUC	873,0	100.000	226.000.000	1.130.000.000	60.840.000	67.800.000			1.484.640.000	1.484.640.000	
		1257	86	LUC	231,0										
4	Nguyễn Thị Vân	97	85	LUC	559,0	100.000	55.900.000	279.500.000	7.020.000	16.770.000			359.190.000	359.190.000	6
5	Nguyễn Văn Tuyển	99	85	LUC	645,0	100.000	64.500.000	322.500.000	23.400.000	19.350.000			429.750.000	429.750.000	10
6	Ngô Văn Quân	101	85	LUC	409,0	100.000	40.900.000	204.500.000	14.040.000	12.270.000			271.710.000	271.710.000	12
7	Nguyễn Văn Quảng	108	85	LUC	774,0	100.000	77.400.000	387.000.000	25.740.000	23.220.000			513.360.000	513.360.000	11
8	Đình Văn Thư - Đình Thị Hà	110	85	LUC	550,0			404.500.000	18.720.000						8
		275	85	LUC	259,0	100.000	80.900.000			24.270.000			528.390.000	528.390.000	
9	Vũ Tuấn Kiên	162	85	LUC	368,0	100.000	36.800.000	184.000.000	8.190.000	11.040.000			240.030.000	240.030.000	7
10	Nguyễn Thị Chính	52	85	LUC	950,0			637.000.000	35.100.000	38.220.000					15
		164	85	LUC	324,0	100.000	127.400.000						837.720.000	837.720.000	
11	Nguyễn Văn Quân	165	85	LUC	694,0			638.000.000	30.420.000	38.280.000					13
		167	85	LUC	582,0	100.000	127.600.000						834.300.000	834.300.000	

12	Nguyễn Bích Thảo	171	85	LUC	1408,0	100.000	140.800.000	704.000.000	21.060.000	42.240.000				908.100.000	908.100.000	9
13	Nguyễn Trung Huyền Mai Thị Bông	179	85	LUC	463,0	100.000	46.300.000	231.500.000	15.210.000	13.890.000				306.900.000	306.900.000	13
14	Nguyễn Trung Tuy Nguyễn Thị Phương	169	85	LUC	428,0	100.000	42.800.000	214.000.000	5.850.000	12.840.000				275.490.000	275.490.000	5
15	Nguyễn Thị Phương	271	85	LUC	487,0	100.000	48.700.000	243.500.000	23.400.000	14.610.000				330.210.000	330.210.000	5
16	Trần Đình Thủy	273	85	LUC	1657,0	100.000	219.400.000	1.097.000.000	25.740.000	65.820.000				1.407.960.000	1.407.960.000	11
		276	85	LUC	537,0											
17	Nhữ Thị Thị - Nguyễn Đức Tuấn	361	85	LUC	640,0	100.000	64.000.000	320.000.000	18.720.000	19.200.000				421.920.000	421.920.000	8
18	Hoàng Kim Linh -Đặng Thị Nhung	363	85	LUC	761,0	100.000	76.100.000	380.500.000	12.870.000	22.830.000				492.300.000	492.300.000	11
19	Nguyễn Văn Đoàn	365	85	LUC	1511,0	100.000	151.100.000	755.500.000	14.040.000	45.330.000				965.970.000	965.970.000	6
20	Đình Thị Mạnh	795	85	LUC	278,0	100.000	27.800.000	139.000.000	32.760.000	8.340.000				207.900.000	207.900.000	7
21	Nguyễn Thị Trinh	10	86	LUC	697,0	100.000	69.700.000	348.500.000	70.200.000	20.910.000				509.310.000	509.310.000	15
22	Nguyễn Kim Bình	88	86	LUC	748,0	100.000	117.700.000	588.500.000	79.560.000	35.310.000				821.070.000	821.070.000	17
		1576	8	LUC	429,0											
23	Hoàng Đức Long	97	86	LUC	452,0	100.000	45.200.000	226.000.000	4.680.000	13.560.000				289.440.000	289.440.000	4
24	Nguyễn Kim Larong	108	86	LUC	1281,0	100.000	128.100.000	640.500.000	51.480.000	38.430.000				858.510.000	858.510.000	11
25	Nguyễn Quốc Ninh - Phạm Thị Nhân	150	86	LUC	782,0	100.000	78.200.000	391.000.000	51.480.000	23.460.000				544.140.000	544.140.000	11
26	Phạm Thị Liễu	153	86	LUC	1277,0	100.000	127.700.000	638.500.000	18.720.000	38.310.000				823.230.000	823.230.000	4
27	Nguyễn Quý Mậu	182	86	LUC	1279,0	100.000	127.900.000	639.500.000	18.720.000	38.370.000				824.490.000	824.490.000	4
28	Nguyễn Hữu Tân Nguyễn Thị Tru	205	86	LUC	506,0	100.000	50.600.000	253.000.000	25.740.000	15.180.000				344.520.000	344.520.000	11
29	Nguyễn Thị Dao	269	86	LUC	357,0	100.000	35.700.000	178.500.000	28.080.000	10.710.000				252.990.000	252.990.000	6
30	Nguyễn Thị Dâng - Nguyễn Thị Thủy	270	86	LUC	588,0	100.000	58.800.000	294.000.000	14.040.000	17.640.000				384.480.000	384.480.000	6
31	Nguyễn Đức Văn	271	86	LUC	1095,0	100.000	109.500.000	547.500.000	28.080.000	32.850.000				717.930.000	717.930.000	12



32	Nguyễn Văn Đạt - Nguyễn Thị Hạnh	11	86	LUC	370,0	100.000	112.300.000	561.500.000	60.840.000	33.690.000			768.330.000	768.330.000	13
		222	86	LUC	753,0										
33	Nguyễn Văn Bộ - Nguyễn Thị Thụ	1266	86	LUC	357,0	100.000	35.700.000	178.500.000	84.240.000	10.710.000			309.150.000	309.150.000	18
34	Nguyễn Hữu Mạnh - Nguyễn Thị Trường	104	86	LUC	672,0	100.000	67.200.000	336.000.000	37.440.000	20.160.000			460.800.000	460.800.000	8
35	Nguyễn Hữu Đạo - Nguyễn Thị Thắm	181	86	LUC	376,0	100.000	94.700.000	473.500.000	42.120.000	28.410.000			638.730.000	638.730.000	9
		1258	86	LUC	571,0										
<b>Tổng cộng:</b>					<b>30.588,0</b>		<b>3.058.800.000</b>	<b>15.294.000.000</b>	<b>1.071.720.000</b>	<b>917.640.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20.342.160.000</b>	<b>20.342.160.000</b>	<b>337,0</b>